

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1043/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2018
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lượng

2/ Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1017/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích N- sinh năm 1984

Thường trú: đường X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: đường C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có yêu cầu vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh C- sinh năm 1983

Thường trú: đường X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: đường C, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Trần Thị Bích N trong quá trình tham gia tố tụng:

Bà và ông Nguyễn Mạnh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức hỏi cưới và đến năm 2009 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn ông bà chung sống bình thường mặc dù có

những mâu thuẫn nhỏ do ông C không chăm lo cho gia đình. Từ năm 2015 mâu thuẫn giữa ông bà trở nên trầm trọng hơn do ông C không thay đổi bản thân mà còn cờ bạc dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ để ông C thay đổi cùng chăm lo cho gia đình nhưng không có kết quả. Từ tháng 8/2017 đến nay, ông bà đã sống ly thân và không ai có thiện chí đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trần Mạnh H sinh ngày 05/8/2003 và Nguyễn Trần Hoàng Y sinh ngày 05/3/2012. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 22/8/2018, bà N có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng.

Ông Nguyễn Mạnh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Mạnh C cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Trần Thị Bích N có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Mạnh C đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bích N và ông Nguyễn Mạnh C tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/4/2009. Do đó, hôn nhân

của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay bà Trần Thị Bích N nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Mạnh C, trong quá trình giải quyết vụ án bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Bà N và ông C kết hôn hợp pháp, theo bà N trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông C cờ bạc và không chăm lo cho gia đình nên ông bà đã ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, theo công văn số 136/LĐTB ngày 02/02/2018 của phòng L quận T cho biết do mâu thuẫn gia đình nên bà N và ông C đã sống ly thân. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần ông C đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông C vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, điều đó thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và không mong muốn gia đình đoàn tụ. Trong khi đó, bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 70, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04/5/2009 và giấy khai sinh số 119, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2012 có căn cứ xác định bà Trần Thị Bích N và ông Nguyễn Mạnh C có 02 con chung tên Nguyễn Trần Mạnh H sinh ngày 05/8/2003 và Nguyễn Trần Hoàng Y sinh ngày 05/3/2012. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà N: Theo kết quả xác minh tại công văn số 136/LĐTB ngày 02/02/2018 của phòng L quận T, hiện tại bà N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Hoàng Y sinh ngày 05/3/2012, con chung tên Nguyễn Trần Mạnh H sinh ngày 05/8/2003 đang sống cùng ông bà nội. Căn cứ quy định tại Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ và quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên trước hết thuộc về cha mẹ. Bà N có yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông C đã được Tòa án thông báo về yêu cầu được nuôi con chung của bà N nhưng không có ý kiến. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Trần Mạnh H và cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Từ những lý do trên nên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà N sau khi ly hôn là có cơ sở chấp nhận, giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Mạnh H sinh ngày 05/8/2003 và Nguyễn Trần Hoàng Y sinh ngày 05/3/2012 cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà N xác định không có.

[6] Về nợ chung: Bà N xác định không có.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Bích N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh C.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Bích N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Trần Mạnh H sinh ngày 05/8/2003 và Nguyễn Trần Hoàng Y sinh ngày 05/3/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Bích N không yêu cầu ông Nguyễn Mạnh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích N xác định không có.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích N xác định không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Bích N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Bích N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0037219 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Trần Thị Bích N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện
việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA